

Số: /QĐ-SCT

Gia Lai, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự toán:
Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai
giai đoạn 1951 - 2026**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông báo số 825-TB/TB ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tỉnh ủy Gia Lai về nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai, giai đoạn 1951 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ (không thuộc đối tượng là tài sản công) thuộc dự toán mua sắm áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-SCT ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Sở Công Thương Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-SCT ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Sở Công Thương về việc thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn công trình “Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai, giai đoạn 1951-2026”;

Trên cơ sở đề nghị của Văn phòng Sở tại Tờ trình số 01/TTr-VP ngày 21 tháng 02 năm 2025; Báo cáo thẩm định ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự toán: Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự toán: Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026 với các nội dung như sau:

1. Phê duyệt dự toán

1.1. Tên dự toán: Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026.

1.2. Chủ đầu tư: Sở Công Thương Gia Lai.

1.3. Địa điểm thực hiện: Tỉnh Gia Lai.

1.4. Đơn vị lập dự toán: Văn phòng Sở.

1.5. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện dự toán.

1.6. Tổng dự toán: **632.000.000** đồng. (Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn). Có dự toán chi tiết kèm theo.

1.7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

1.8. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

2.1. Phần công việc đã thực hiện: 0 đồng.

2.2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: 0 đồng.

2.3. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 0 đồng.

2.4. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Văn phòng Sở và Trưởng các phòng, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Bình

PHỤ LỤC 01
BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán: Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày tháng 02 năm 2025 của Sở Công Thương Gia Lai)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Sở Công Thương Gia Lai	Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026	Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu phục vụ cho công tác biên soạn, tổ chức hội thảo và thẩm định cuốn sách	522.120.000	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	58 ngày	Quý I/2025	Trọn gói	245 ngày	Không áp dụng	Không
2	Sở Công Thương Gia Lai	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	6.480.000	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	Không có	15 ngày	Quý I/2025	Trọn gói	15 ngày	Không áp dụng	Không
3	Sở Công Thương Gia Lai	Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định	Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định	5.400.000	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	Không có	15 ngày	Quý I/2025	Trọn gói	15 ngày	Không áp dụng	Không

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
		kết quả lựa chọn nhà thầu	kết quả lựa chọn nhà thầu										
4	Sở Công Thương Gia Lai	Thiết kế, biên tập, xin giấy phép xuất bản, in ấn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026	Thiết kế, biên tập, xin giấy phép xuất bản, in ấn cuốn sách	98.000.000	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	Không có	15 ngày	Quý IV/2025	Trọn gói	30 ngày	Không áp dụng	Không
Tổng giá gói thầu:				632.000.000									

Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định của nhà nước, chi phí vận chuyển, bảo quản theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

PHỤ LỤC 02
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Dự toán: Nghiên cứu, biên soạn Lịch sử ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 1951 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày tháng 02 năm 2025 của Sở Công Thương Gia Lai)

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải cách tính	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
I	Chi phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Gnv = Gnv1 + Gnv2 + Gnv3 + Gnv4			522.120.000	
1	Chi phí nghiên cứu và biên soạn	Gnv1 = Theo Bảng 01: Chi phí nghiên cứu và biên soạn			455.040.000	Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
2	Chi phí hội thảo góp ý bản thảo	Gnv2 = Theo Bảng 02: Chi phí hội thảo góp ý bản thảo			40.080.000	Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính
3	Chi phí thẩm định bản thảo	Gnv3 = Theo Bảng 03: Chi phí thẩm định bản thảo			14.400.000	Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
4	Chi phí văn phòng phẩm, photo tài liệu	Gnv4 = Theo Bảng 04: Chi phí văn phòng phẩm, photo tài liệu			12.600.000	Khảo sát chi tiết đơn vị in ấn, phô tô và văn phòng phẩm

Số TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải cách tính	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
II	Chi phí tư vấn	$G_{tv} = G_{tv1} + G_{tv2} + G_{tv3} + G_{tv4}$	11.000.000	880.000	11.880.000	
1	Chi phí tư vấn lập Hồ sơ mời thầu	$G_{tv1} = 0,2\% * G_{tb}$ (Mức tối thiểu 3.000.000 đồng)	3.000.000	240.000	3.240.000	Khoản 4 Điều 12 NĐ 24/2024/NĐ-CP
2	Chi phí tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu	$G_{tv2} = 0,2\% * G_{tb}$ (Mức tối thiểu 3.000.000 đồng)	3.000.000	240.000	3.240.000	Khoản 5 Điều 12 NĐ 24/2024/NĐ-CP
3	Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu	$G_{tv3} = 0,1\% * G_{tb}$ (Mức tối thiểu là 2.000.000 đồng)	2.000.000	160.000	2.160.000	Khoản 4 Điều 12 NĐ 24/2024/NĐ-CP
4	Chi phí tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	$G_{tv4} = 0,1\% * G_{tb}$ (Mức tối thiểu là 3.000.000 đồng)	3.000.000	240.000	3.240.000	Khoản 6 Điều 12 NĐ 24/2024/NĐ-CP
III	Chi phí thiết kế, biên tập, xin giấy phép xuất bản, in ấn	$G_{tk} = \text{Bảng 05: Chi phí thiết kế, biên tập, xin giấy phép xuất bản, in ấn}$			98.000.000	Báo giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ
Tổng kinh phí		$G_{tc} = G_{nv} + G_{tv} + G_{tk}$			632.000.000	
Bảng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn./.						

BẢNG 01: CHI PHÍ NGHIÊN CỨU VÀ BIÊN SOẠN

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung công việc	Hệ số lao động KH	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7 = (3x5x6)	
I	Xây dựng thuyết minh đề tài	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng					
II	Nội dung nghiên cứu						
1	Nội dung 1: Nghiên cứu, biên soạn nội dung Chương 1					72.000.000	Thanh toán theo thực tế
1.1	<i>Công việc 1: Biên soạn nội dung 1</i>					43.200.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1,5	28.800.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1,5	14.400.000	
1.2	<i>Công việc 2: Biên soạn nội dung 2</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
2	Nội dung 2: Nghiên cứu, biên soạn nội dung Chương 2					86.400.000	Thanh toán theo thực tế
2.1	<i>Công việc 1: Biên soạn nội dung 1</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
2.2	<i>Công việc 2: Biên soạn nội dung 2</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	

STT	Nội dung công việc	Hệ số lao động KH	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Ghi chú
2.3	<i>Công việc 3: Biên soạn nội dung 3</i>					28.800.000	Thanh toán theo thực tế
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
3	Nội dung 3: Nghiên cứu, biên soạn nội dung Chương 3					86.400.000	Thanh toán theo thực tế
3.1	<i>Công việc 1: Biên soạn nội dung 1</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
3.2	<i>Công việc 2: Biên soạn nội dung 2</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
3.3	<i>Công việc 3: Biên soạn nội dung 3</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
4	Nội dung 4: Nghiên cứu, biên soạn nội dung Chương 4					86.400.000	Thanh toán theo thực tế
4.1	<i>Công việc 1: Biên soạn nội dung 1</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
4.2	<i>Công việc 2: Biên soạn nội dung 2</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
4.3	<i>Công việc 3: Biên soạn nội dung 3</i>					28.800.000	

STT	Nội dung công việc	Hệ số lao động KH	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Ghi chú
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	Thanh toán theo thực tế
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
5	Nội dung 5: Nghiên cứu, biên soạn nội dung Chương 5					86.400.000	Thanh toán theo thực tế
5.1	<i>Công việc 1: Biên soạn nội dung 1</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
5.2	<i>Công việc 2: Biên soạn nội dung 2</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
5.3	<i>Công việc 3: Biên soạn nội dung 3</i>					28.800.000	
	Thành viên chính	0,8	1	24.000.000	1	19.200.000	
	Thành viên	0,4	1	24.000.000	1	9.600.000	
6	Chủ nhiệm đề tài ($TL_{cn} = 1,0 \times DM_{cn} \times 20\% \times T$)	1	1	24.000.000	1,2 (= $20\% \times 6$)	28.800.000	Thanh toán theo thực tế
7	Thư ký khoa học ($TL_{tk} = 0,3 \times DM_{cn} \times 20\% \times T$)	0,3	1	24.000.000	1,2 (= $20\% \times 6$)	8.640.000	Thanh toán theo thực tế
III	Xây dựng báo cáo tổng kết đề tài	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng					
	TỔNG					455.040.000	

BẢNG 02: CHI PHÍ HỘI THẢO GÓP Ý BẢN THẢO

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Đơn giá	SL	Thành tiền	Văn bản áp dụng	Ghi chú
1	Chi tổ chức Hội thảo góp ý bản thảo lần 1 cuốn sách				20.040.000		
1.1	Thù lao cho người chủ trì hội thảo	Người	1.500.000	1	1.500.000	Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Thanh toán theo thực tế
1.2	Thù lao cho người làm nhiệm vụ thư ký hội thảo	Người	400.000	1	400.000		
1.3	Thù lao cho đại biểu tham dự hội thảo	Người	250.000	30	7.500.000		
1.4	Chi thù lao đặt bài cho báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.200.000	5	6.000.000		
1.5	Chi thù lao đặt bài cho báo cáo không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	800.000	5	4.000.000		
1.6	Chi nước uống phục vụ hội thảo	Người	20.000	32	640.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị	
2	Chi tổ chức Hội thảo góp ý bản thảo lần 2 cuốn sách				20.040.000		
2.1	Thù lao cho người chủ trì hội thảo	Người	1.500.000	1	1.500.000	Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Thanh toán theo thực tế
2.2	Thù lao cho người làm nhiệm vụ thư ký hội thảo	Người	400.000	1	400.000		
2.3	Thù lao cho đại biểu tham dự hội thảo	Người	250.000	30	7.500.000		
2.4	Chi thù lao đặt bài cho báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.200.000	5	6.000.000		

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Đơn giá	SL	Thành tiền	Văn bản áp dụng	Ghi chú
2.5	Chi thù lao đặt bài cho báo cáo không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	800.000	5	4.000.000		Thanh toán theo thực tế
2.6	Chi nước uống phục vụ hội thảo	Người	20.000	32	640.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị	
	Tổng				40.080.000		

BẢNG 03: CHI PHÍ THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Đơn giá	SL	Thành tiền	Văn bản áp dụng	Ghi chú
1	Chi họp Hội đồng					Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Thanh toán theo thực tế
1.1	Chủ tịch hội đồng	Người	1.400.000	1	1.400.000		
1.2	Thành viên hội đồng	Người	1.200.000	6	7.200.000		
1.3	Thư ký	Người	250.000	2	500.000		
1.4	Đại biểu	Người	150.000	10	1.500.000		
2	Chi nhận xét, đánh giá						
2.1	Thành viên hội đồng	Người	550.000	4	2.200.000		
2.2	Phản biện	Người	800.000	2	1.600.000		
	Tổng				14.400.000		

BẢNG 04: CHI PHÍ VĂN PHÒNG PHẨM, PHÔ TÔ TÀI LIỆU

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Định mức	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Văn bản áp dụng	Ghi chú
1	Chi phí in ấn tài liệu	Bộ	93.000	100	9.300.000	Khảo sát chi tiết đơn vị in ấn, phô tô và văn phòng phẩm	Thanh toán theo thực tế
2	Chi phí văn phòng phẩm				3.300.000		
2.1	Giấy in	Ram	60.000	10	600.000		
2.2	Bút	Hộp	100.000	15	1.500.000		
2.3	Dập ghim và ghim	Bộ	80.000	15	1.200.000		
	Tổng				12.600.000		

BẢNG 05: CHI PHÍ THIẾT KẾ, BIÊN TẬP, XIN GIẤY PHÉP XUẤT BẢN, IN ẤN*Đơn vị tính: Đồng.*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Thành tiền (VNđ)	Văn bản áp dụng	Ghi chú
1	Thiết kế, biên tập nội dung hoàn chỉnh	Gói	1	44.000.000	44.000.000	Báo giá thực tế	Thanh toán theo thực tế
2	Xin Giấy phép xuất bản	Gói	1	9.000.000	9.000.000		
3	In ấn	Cuốn	300	150.000	45.000.000		
	Tổng kinh phí				98.000.000		